

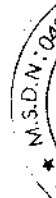


**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2014: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 26 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--|
| • Ông Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Miễn nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010
Miễn nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Bà Đỗ Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Vũ Bá Sơn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Hồng Ánh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010
Miễn nhiệm ngày 19/04/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/01/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |

Kiểm toán độc lập


Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.


Ban Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC
DẠY NGHỀ
Q. HAI BÀ TRƯNG
HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 164/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12/01/2015, từ trang 4 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Nguyễn Thị Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.319.979.900	20.704.914.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.413.624.375	3.528.009.745
1. Tiền	111	5	913.624.375	528.009.745
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	500.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.400.000.000	4.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	7.400.000.000	4.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.299.569.403	3.123.453.512
1. Phải thu khách hàng	131		2.572.863.489	3.439.149.483
2. Trả trước cho người bán	132		1.334.000	72.944.000
3. Các khoản phải thu khác	135	8	50.525.000	63.833.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(325.153.086)	(452.473.304)
IV. Hàng tồn kho	140	9	8.206.397.622	9.653.451.739
1. Hàng tồn kho	141		9.160.898.994	10.326.333.673
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(954.501.372)	(672.881.934)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		388.500	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		388.500	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		686.436.536	585.568.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	634.000.000	581.400.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(52.600.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.436.536	4.168.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.826.536	4.168.431
2. Tài sản dài hạn khác	268	13	49.610.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.006.416.436	21.290.483.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.576.888.476	5.026.437.057
I. Nợ ngắn hạn	310		3.576.888.476	4.971.437.057
1. Phải trả người bán	312		1.033.757.170	1.224.480.976
2. Người mua trả tiền trước	313		6.086.290	65.973.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	415.660.152	356.067.221
4. Phải trả người lao động	315		1.401.236.631	1.841.471.137
5. Chi phí phải trả	316	15	676.246.000	944.700.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	35.071.264	46.662.774
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.830.969	492.080.969
II. Nợ dài hạn	330		-	55.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	55.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.429.527.960	16.264.046.370
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.429.527.960	16.264.046.370
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	3.329.769.276	3.164.287.686
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.006.416.436	21.290.483.427

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	565.679.294	565.679.294
2. Ngoại tệ các loại	-	-



Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	22.335.110.090	23.972.010.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	22.335.110.090	23.972.010.923
4. Giá vốn hàng bán	11	19	14.446.762.806	15.363.987.562
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.888.347.284	8.608.023.361
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	605.961.191	658.194.906
7. Chi phí tài chính	22	21	(52.600.000)	(273.600.000)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		398.178.370	491.592.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.881.268.653	6.325.313.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.267.461.452	2.722.912.186
11. Thu nhập khác	31	22	102.290.266	51.591.177
12. Chi phí khác	32	23	72.843.837	128.441.745
13. Lợi nhuận khác	40		29.446.429	(76.850.568)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	2.296.907.881	2.646.061.618
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	531.426.291	358.290.904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	1.765.481.590	2.287.770.714
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.765	2.288



Thanh Bình
Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	23.142.173.231	24.390.460.447
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và dịch vụ	02	(16.240.856.074)	(18.412.912.936)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.942.982.000)	(3.722.766.136)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(406.857.095)	(538.127.992)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.303.100	57.437.604
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(699.436.056)	(621.370.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.866.345.106	1.152.720.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	300.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	619.269.524	671.856.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.380.730.476)	971.856.277
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.600.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.600.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.114.385.370)	324.577.138
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.528.009.745	3.203.432.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.413.624.375	3.528.009.745



Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi số bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với tất cả các tài sản cố định. Toàn bộ tài sản cố định của Công ty là phương tiện vận tải đã hết khấu hao.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phương tiện vận tải

3

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

4.9. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.10. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Thuế giá trị gia tăng: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	151.595.133	35.581.249
Tiền gửi ngân hàng	762.029.242	492.428.496
Cộng	913.624.375	528.009.745

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	500.000.000	3.000.000.000
Cộng	500.000.000	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN vay (*)	4.400.000.000	4.400.000.000
Cho Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Di động vay (**)	3.000.000.000	-
Cộng	7.400.000.000	4.400.000.000

(*) Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐVV/HEV-NXBGDVN ngày 01/01/2014, thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2014 với lãi suất 10,5%/năm. Ngày 01/01/2015, Công ty đã ký lại hợp đồng vay số 01/2015/HĐVV/HEV-NXBGDVN. Số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2015, lãi suất 8%/năm và được thay đổi theo phụ lục hợp đồng.

(**) Cho Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Di động vay theo hợp đồng số 031214/MIDC ngày 03/12/2014. Thời gian vay là 4 tháng kể từ ngày 03/12/2014, lãi suất 10%/năm.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	1.125.000	6.833.333
Cổ tức dự thu	49.400.000	57.000.000
Cộng	50.525.000	63.833.333

9. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.259.409	22.383.198
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	91.362.500	113.374.500
Thành phẩm	8.999.874.692	10.108.143.418
Hàng hóa	51.402.393	82.432.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(954.501.372)	(672.881.934)
Cộng	8.206.397.622	9.653.451.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.009.219.000	1.009.219.000
Mua sắm trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao		
Số đầu năm	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	1.009.219.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 1.009.219.000 đồng.

Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2014.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
- <i>Cổ phiếu STC (*)</i>	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (STC) (**)		-		(52.600.000)
Cộng		634.000.000		581.400.000

(*) Tại ngày 31/12/2014, Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC. Giá đóng cửa của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2014 là 17.800 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa bìa sách chờ phân bổ	2.826.536	4.168.431
Cộng	2.826.536	4.168.431

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đặt cọc tiền thuê nhà	49.610.000	-
Cộng	49.610.000	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.112.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.860.100	208.290.904
Thuế thu nhập cá nhân	82.800.052	138.663.746
Cộng	415.660.152	356.067.221

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí đấu thầu bán thảo	-	73.725.000
Tiền nhuận bút phải trả	470.003.000	869.775.000
Phí quản lý xuất bản phải trả	-	1.200.000
Chi phí chế bản	206.243.000	-
Cộng	676.246.000	944.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	18.697.564	23.260.324
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.373.700	23.402.450
Cộng	35.071.264	46.662.774

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.176.516.972
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.287.770.714
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.300.000.000
Số dư tại 31/12/2013	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.164.287.686
Số dư tại 01/01/2014	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.164.287.686
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.765.481.590
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.600.000.000
Số dư tại 31/12/2014	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.329.769.276

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.164.287.686	3.176.516.972
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.765.481.590	2.287.770.714
Phân phối lợi nhuận	1.600.000.000	2.300.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	1.600.000.000	1.800.000.000
- Chia cổ tức	1.600.000.000	1.800.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.329.769.276	3.164.287.686

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 19/04/2014.

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 19/04/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức của năm 2013 là 16%/vốn điều lệ, tương ứng với số tiền 1.600.000.000 đồng. Theo đó, Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2014.

18. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	22.335.110.090	23.972.010.923
+ Sách Đại học - Dạy nghề	19.983.688.595	21.163.122.402
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	2.176.088.818	2.006.535.500
+ Sách tham khảo mua ngoài	175.332.677	631.798.476
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	-	874.545
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	-	169.680.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	22.335.110.090	23.972.010.923

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	12.499.397.402	13.353.857.012
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	1.502.356.039	1.373.371.616
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	163.389.927	613.167.315
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	-	620.701
Giá vốn giấy và dịch vụ biên tập	-	84.840.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	281.619.438	(61.869.082)
Cộng	14.446.762.806	15.363.987.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	556.561.191	574.594.906
Cổ tức, lợi-nhuận được chia	49.400.000	83.600.000
Cộng	605.961.191	658.194.906

21. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(52.600.000)	(273.600.000)
Cộng	(52.600.000)	(273.600.000)

22. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	-	2.415.000
Xử lý kiểm kê cuối năm	45.968.180	39.592.381
Phí quản lý xuất bản điều chỉnh giảm	54.105.000	8.616.000
Thu nhập khác	2.217.086	967.796
Cộng	102.290.266	51.591.177

23. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Xử lý kiểm kê	39.141.067	38.331.961
Xuất sách thanh lý	-	88.104.140
Chi phí thiệt hại sách	10.745.000	-
Tiền nhuận bút năm trước chi sót	820.000	2.000.000
Chi phí khác	22.137.770	5.644
Cộng	72.843.837	128.441.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.296.907.881	2.646.061.618
Điều chỉnh các khoản*thu nhập chịu thuế	118.666.170	74.955.063
Điều chỉnh tăng	168.066.170	158.555.063
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	121.311.170	125.370.563
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	46.755.000	33.184.500
Điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)	49.400.000	83.600.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.415.574.051	2.721.016.681
Chi phí thuế TNDN hiện hành	531.426.291	358.290.904
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.765.481.590	2.287.770.714

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.765.481.590	2.287.770.714
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.765.481.590	2.287.770.714
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.765	2.288

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân công	3.836.623.132	4.426.916.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.533.657.640	16.178.282.701
Chi phí khác bằng tiền	906.617.289	605.270.329
Cộng	19.276.898.061	21.210.469.700

27. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đón đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2014	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.033.757.170	-	1.033.757.170
Chi phí phải trả	676.246.000	-	676.246.000
Phải trả khác	16.373.700	-	16.373.700
Cộng	<u>1.726.376.870</u>	<u>-</u>	<u>1.726.376.870</u>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.224.480.976	-	1.224.480.976
Chi phí phải trả	944.700.000	-	944.700.000
Phải trả khác	23.402.450	55.000.000	78.402.450
Cộng	<u>2.192.583.426</u>	<u>55.000.000</u>	<u>2.247.583.426</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND.

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.413.624.375	-	1.413.624.375
Phải thu khách hàng	2.247.710.403	-	2.247.710.403
Phải thu khác	50.525.000	-	50.525.000
Cho vay	7.400.000.000	-	7.400.000.000
Đầu tư tài chính	-	634.000.000	634.000.000
Tài sản tài chính khác	49.610.000	-	49.610.000
Cộng	11.161.469.778	634.000.000	11.795.469.778
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.528.009.745	-	3.528.009.745
Phải thu khách hàng	2.986.676.179	-	2.986.676.179
Phải thu khác	63.833.333	-	63.833.333
Cho vay	4.400.000.000	-	4.400.000.000
Đầu tư tài chính	-	581.400.000	581.400.000
Cộng	10.978.519.257	581.400.000	11.559.919.257

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	947.238.360	1.133.569.800
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	2.001.093.023	2.234.358.968
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	1.110.262.112	950.933.332
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.227.599.844	2.463.403.098
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	633.713.108	787.977.400
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Mua tem chống giả Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	-	21.780.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	360.045.860	350.041.841
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản Mua tem chống giả	489.928.116 587.562.250 43.560.000	1.068.953.088 776.818.100 -
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu nhập từ lãi cho vay	445.976.665	456.805.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phải thu tiền cho vay	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	272.018.060	394.170.090
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	201.093.023	391.277.422
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	65.312.870	30.877.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	200.000.000	10.000.000
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Phải trả người bán	50.000.000	200.000.000

d. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương Ban Giám đốc	1.036.809.151	932.195.614
- Giám đốc	468.274.759	410.900.225
- Các Phó Giám đốc	568.534.392	521.295.389
Thu nhập Hội đồng quản trị	437.391.829	552.410.153

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng


Lê Quang Dũng

Người lập biểu


Hoàng Quốc Khánh